

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 808/2024/DS-ST

Ngày : 27/ 9 /2024

V/v “ Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trí.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1./ Ông Nguyễn Văn Tiên

2./ Ông Võ Văn Tốt

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 :* Bà Lương Thị Lan - Kiểm sát viên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thống - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12 - Tp ..

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2024 , tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2024/TLST-DS ngày 02/5/2024 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1296/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1524/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Việt H, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: số 579/10/2 Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: số E đường H, Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú hiện nay: số E đường N, Tổ D, Khu phố D (nay là Khu phố B), phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Lệ H2, sinh năm 1988;

Địa chỉ thường trú: số E Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí

Minh.

Đại diện uỷ quyền: Ông Trần Việt H, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Việt H trình bày :*

Ngày 14/12/2022, vợ chồng ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thị H1 có vay của ông số tiền 420.000.000đ, không lãi suất, mỗi tháng ông C, bà H1 sẽ trả cho ông số tiền 10.000.000đ, nếu có sẽ trả nhiều hơn.

Tuy nhiên, vợ chồng ông C, bà H1 không thực hiện đúng phương án trả nợ, vợ chồng ông bà chỉ mới thanh toán cho ông H số tiền là 45.000.000đ, còn 375.000.000đ chưa trả.

Mặc dù ông H đã nhiều lần liên hệ nhưng ông C, bà H1 vẫn cứ hứa hẹn và né tránh. Do đó, nay để bảo vệ quyền lợi của mình, ông H khởi kiện ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thị H1 đến Toà án nhân dân Quận 12, đề nghị Toà án nhân dân Quận 12 buộc ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại cho ông Trần Việt H số tiền còn nợ là 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Lệ H2 tại Bản tự khai ngày 19/6/2024 trình bày:*

Bà thống nhất với phần trình bày của chồng bà là ông Trần Việt H. Đề nghị Toà án nhân dân Quận 12 buộc ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại cho ông Trần Việt H số tiền còn nợ là 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án thì chưa đảm bảo, cần xem xét rút kinh nghiệm. Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay tại giấy vay tiền đã ký kết nên đây là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị H1 có địa chỉ cư trú tại số S đường N, Tổ D, Khu phố D (nay là Khu phố B), phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí

Minh nên theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng :

Nguyên đơn ông Trần Việt H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định pháp luật.

Về nội dung hợp đồng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Khoản 2 Điều 92 BLTTDS quy định một bên không phản đối tình tiết bên kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo hòa giải nhưng đã không gửi văn bản phản đối những tình tiết bên nguyên đơn đưa ra. Như vậy bên nguyên đơn không phải chứng minh những tình tiết nguyên đơn đưa ra là chứng cứ. Từ đó:

Xét yêu cầu thanh toán nợ theo Giấy vay tiền ngày 14/12/2022 giữa ông Trần Việt H và ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thị H1, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa hai bên ông H và ông C, bà H1 đã có ký kết hợp đồng vay tài sản. Đây là hợp đồng dân sự vay tài sản được hai bên ông H và ông C, bà H1 giao kết một cách tự nguyện theo đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

Tính đến ngày 27/9/2024, ông C, bà H1 còn nợ ông H theo Giấy vay tiền ngày 14/12/2022 là 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Khoản 1 Điều 466 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”

Bị đơn ông C, bà H1 không thanh toán tiền theo đúng Giấy vay tiền ngày 14/12/2022, nên ông H yêu cầu ông C, bà H1 phải trả cho ông H số nợ tính đến ngày 27/9/2024 là 375.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy là có cơ sở để chấp nhận.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là 18.750.000đ (Mười tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Việt H:

Buộc ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho ông Trần Việt H số tiền tính đến ngày 27/9/2024 là 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), theo Giấy vay tiền ngày 14/12/2022 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông H đối với khoản tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, nếu ông C, bà H1 chậm thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí là 18.750.000đ (Mười tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng);
- Hoàn trả cho ông Trần Việt H số tiền 9.375.000đ (Chín triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022319 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát trực tiếp cấp trên là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 ;
- Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

